

PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI NHÂN SINH VŨ TRỤ

[Lê Sỹ Minh Tùng](#)

Đối với Phật giáo, vũ trụ được sanh ra như thế nào, con người bắt đầu từ đâu không có gì quan trọng vì tất cả chỉ là thế giới hiện tượng có sinh có diệt. Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm Tỳ kheo Man Đổng Tử đặt ra những câu hỏi siêu hình để hỏi Thế Tôn rằng :

- Bạch Thế Tôn! Thế giới thường hằng hay không thường hằng, hữu hạn hay vô hạn, linh hồn với thân xác là một hay là khác. Chính Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết... Ông yêu cầu Phật trả lời cho thật rõ ràng tất cả 16 vấn đề mang tính siêu hình này. Nếu Thế Tôn thấy và biết thì nói thấy và biết. Nếu không, trả lời là không. Nếu các vấn đề này không được giải thích thỏa mãn, ông ta cảnh báo sẽ từ bỏ phạm hạnh này, sẽ không theo Phật nữa.

Đức Phật điềm nhiên im lặng. Sự im lặng của Đức Phật cũng giống như ông Duy Ma Cật im lặng khi được hỏi thế nào là nhập pháp môn không hai (Nguyên lý Bất Nhị). Đối với đạo Phật, chân lý không thể diễn bày bằng ngôn ngữ văn tự của con người và chỉ khi nào chúng sinh tự mình nghiệm chứng chân lý thì tự mình thấu biết. Còn đối với thế giới hiện tượng có sanh có diệt, cho dù ngày nay khoa học cố tìm tòi nghiên cứu để tìm định lý này hay định luật nọ thì cũng vẫn còn nằm trong vòng lẩn quẩn sinh diệt, chớ đâu phải là chân lý. Sự hiểu biết của Đức Phật hòa đồng với chân lý của vũ trụ bởi vì chân lý của vũ trụ và tâm thanh tịnh của Ngài đã hòa đồng trở thành một nên bao la vô cùng vô tận thì làm sao nói hết được. Những gì Ngài thuyết cho chúng sinh chỉ là những lá cây nằm trong bàn tay để giúp con người có phương tiện cần thiết tu học để vượt qua phiền não trần lao, còn những gì Như Lai biết thì bao la như biển rộng, như biết bao chiếc lá trong rừng già. Nói cách khác vũ trụ vạn hữu bao la như thế nào thì Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na tức là trí tuệ của Phật cũng bao la như thế ấy. Tuy trí tuệ rộng như biển cả, nhưng Ngài không nói được vì có nói chúng sinh cũng chẳng hiểu nào, chỉ là vô ích. Thí dụ như vào thời nhà Nguyễn, ông Nguyễn Trường Tộ đi kinh sứ ở Pháp về trình lại với vua quan là ở bên Pháp bóng đèn treo ngược mà vẫn cháy sáng. Tuy ông có giải thích cách mấy thì chẳng có ai tin mà còn mang tội vọng ngữ, khi quân. Đó là tại sao tuy thuyết pháp độ sanh ròng suốt 49 năm mà sau cùng Ngài nói ta chưa hề nói một chữ cho nên nếu nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Như Lai vậy. Thật vậy, trí tuệ của Phật ví như nước trong bốn biển, bao la vô cùng vô tận. Còn những kinh điển Ngài nói rất giới hạn chẳng khác gì nước trong dấu chân trâu. Vì vậy nếu nói Phật thuyết thì chẳng khác gì nói rằng trí tuệ của Phật chỉ nhỏ hẹp như nước trong dấu chân trâu chớ không còn bao la như trong bốn biển. Nói thế nếu không phỉ báng Phật thì là gì.

Phật giáo đối với nhân sinh quan và vũ trụ quan tức là thế giới hữu vi có một giải thích rất rõ ràng vì tất cả chỉ là những hiện tượng trong pháp giới duyên khởi. Đứng về mặt hiện tượng vạn hữu thì duyên khởi là pháp tắc phổ biến về tính nhân quả. Tất cả mọi pháp tồn tại đều là duyên khởi chẳng hạn to lớn như trăng sao hoặc nhỏ như vi trần, một cành hoa, một cọng cỏ không có pháp nào không là pháp duyên khởi. Đó là “Tất cả các pháp nương gá tác động làm nhân làm quả tức là mọi vật thể có được là do trùng trùng

duyên khởi mà thành”. Nói theo danh từ khoa học là các chủng tử phải trải qua biết bao phản ứng hóa học mới kết thành vật chất mà chúng ta thấy được. Tuy vậy thế giới vũ trụ vạn hữu từ vô thủy vô chung vô cùng vô cực này cũng không ngoài Căn, Trần và Thức. Nếu đứng về phương diện “tục đế” mà nhìn thế gian hiện tượng vạn hữu qua cái thuyết “nhơn duyên sanh” thì hoàn toàn đúng. Không những nó đúng riêng cho nền giáo lý Phật mà nó đúng với sự thật của cuộc đời, đúng với quy luật khách quan của tất cả hiện tượng vạn hữu. Tuy nhiên, nếu đứng về phương diện “chơn đế” mà quan sát để có thể thấy biết bằng tri kiến rộng rãi hơn, xuyên suốt bản thể của mọi hiện tượng vạn hữu thì “hiện tượng nào cũng là hiện tượng của bản thể và không có bản thể nào ngoài hiện tượng cả”. Cũng như sóng biển nhấp nhô là nước và thể tánh yên lặng êm đềm ở dưới lòng đại dương cũng là nước, bất khả phân ly. Phật giáo phủ nhận có một đấng thiêng liêng nào ở ngoài có đủ tư cách sáng tạo, sắp xếp vấn đề nhân sinh vũ trụ. Trọng tâm của đạo Phật là diệt khổ để có an vui tự tại cho nên toàn bộ giáo lý của Đức Phật không ngoài mục đích hướng dẫn chúng sinh quay về sống với chơn tâm, Phật tánh của chính họ để có sự an lạc, thanh tịnh trong đời này. Đây mới chính là bản thể chân như của vạn pháp. Do đó khi nói về thế giới vô vi thanh tịnh, Đức Phật dạy rằng : ”Phi nhơn duyên, phi tự nhiên, phi hòa, phi hợp, pháp nhĩ như thị” nghĩa là thật tánh vạn pháp chẳng do nhân duyên, cũng chẳng tự nhiên sanh, cái này hòa hợp với cái khác cũng không đúng mà thật ra vạn pháp sinh ra như thế nào thì phải thấy biết như thế ấy. Khác với khoa học là nghiên cứu tìm tòi ngoại cảnh, Phật giáo chỉ chủ trương quay về bên trong, trở về với “bản lai diện mục” tức là con người thật của chính mình. Nói cách khác, khoa học có thể được ví như một ngọn đèn chói tỏa khắp mọi nơi, trong khi đó ánh sáng huyền diệu của đạo Phật như một tia laser chuyên hội tụ vào một điểm mà thôi.

Thí dụ, khoa học ngày nay mới khám phá vũ trụ có được là do một vụ nổ lớn từ một vi tử (The Big Bang Theory) khoảng 13.7 tỷ năm về trước và từ đó những dãy Thiên Hà được tạo dựng. Trước năm 1913 vũ trụ đối với khoa học chỉ vờn vờn có dãy Ngân Hà (The Milky Way). Mãi sau khi Edwin Hubble đo được khoảng cách của dãy Thiên Hà Andromeda khoảng 900,000 năm ánh sáng thì vũ trụ mới được hiểu là do sự tạo thành của rất nhiều dãy Thiên Hà khác chứ không nhất thiết chỉ có dãy Ngân Hà mà thôi. Nhưng mãi đến năm 1965 tại phòng thí nghiệm của hãng điện thoại Bell, hai nhà khoa học Arno Penzias và Robert Dicke thuộc đại học Princeton vô tình khám phá những năng lượng rơi rớt lại trong không gian sau vụ nổ lớn 13.7 tỷ năm về trước và từ đó họ đưa ra thuyết “The Big Bang”. Hiện nay vũ trụ vẫn còn nằm trong thời kỳ nở rộng cho đến khi tất cả những hành tinh nóng như mặt trời...đốt cháy hoàn toàn những nhiên liệu như Hydrogen, Helium... và lúc đó vũ trụ sẽ chìm vào bóng tối, băng giá. Sau đó vũ trụ sẽ thu trở lại thành vi tử như lúc ban đầu. Hiện tượng này gọi là The Big Crunch. Vì có nước và không khí nên sinh vật phát triển trên trái đất và con người hiện diện khoảng một triệu năm. Dựa theo thuyết tương đối của Einstein, khi vũ trụ nở rộng nghĩa là không gian được giãn nở trong mọi chiều thì các dãy Thiên Hà sẽ nguội dần nếu nó càng ở xa. Nhưng trên thực tế, khoa học ngày nay xác định là tuy có hàng tỷ dãy Thiên Hà cách xa trái đất mà nhiệt độ của chúng vẫn như nhau, không nguội dần như thuyết tương đối của nhà bác học Einstein. Thế thì thuyết “The Big Bang” làm sao đúng được? Khoa học không thể giải thích hiện tượng này nên bị bế tắc trong khoảng một thời gian dài cho đến khi Alan Guth, hiện là giáo sư của đại học kỹ thuật nổi tiếng MIT ở Boston đưa ra thuyết “The Inflationary Universe” nghĩa là sự tăng trưởng theo lối lạm phát của vũ trụ. Dựa theo

thuyết này thì khi vũ trụ nổ tung từ một vi tử cực nhỏ với sự tăng trưởng rất nhanh với tỷ số cực lớn là 1050 . Đây được gọi là sự tăng trưởng lạm phát của vũ trụ. Sau đó quang năng, năng lượng và những vật thể nguội dần cho đến khi vũ trụ dần nở đến mức tối đa. Đến thời điểm này, nhiệt độ của vũ trụ tự nhiên tăng lên và cuối cùng tất cả những dãy Thiên Hà cũng từ từ nguội dần dựa theo tiến trình nói rộng như ngày nay cho nên tất cả các dãy Thiên Hà có nhiệt độ gần giống như nhau. Mặc dầu Einstein đã khám phá thuyết lượng tử và thuyết tương đối lúc ông ta còn trẻ, nhưng suốt quãng đời còn lại ông hoạt động không ngừng mà vẫn không tìm ra một công thức vật lý cho vũ trụ được.

Ở đây chúng tôi mạn phép xin được giới thiệu đến quý vị một cách tóm gọn tiến trình khám phá mới nhất của khoa học về nhân sinh vũ trụ để thấy rằng tuy khoa học có tiến bộ cách mấy, có phát minh những máy móc rất tinh vi thì những khám phá của họ vẫn nằm trong vòng tương đối sinh diệt bởi vì tất cả những khám phá đó đều là “thuyết” chứ không phải là “chân lý”. Mà đã là thuyết thì nay đúng mai sai, có gì bảo đảm. Thuyết là giả huyền, sinh diệt, chân lý mới là sự thật vĩnh hằng, là Bản Thể tuyệt đối. Thí dụ, ngay cả nhà bác học nổi tiếng Einstein cũng tính sai, đoán lầm về vũ trụ. Ông ta cho rằng vũ trụ đang ở trạng thái quân bình, không tăng không giảm. Nhưng thật ra hiện giờ vũ trụ đang ở trong trạng thái nở rộng chứ đâu có quân bình. Ngược lại những gì mà Đức Phật chứng là chân lý chứ không phải luận thuyết. Chân lý là cái đúng ở mọi thời gian và không gian. Mà muốn nghiệm chứng được chân lý thì chỉ có một con đường duy nhất là tự mình tu chứng để nghiệm biết chứ không thể dùng ngôn ngữ văn tự của con người mà diễn giải ra được. Nói cách khác không có một phương trình vật lý hay một định lý toán học nào có thể diễn tả được chân lý cả.

Khác hẳn với những tôn giáo lớn khác trên thế giới đã cột chặt con người vào những giáo điều cứng nhắc để thọ lãnh những thưởng phạt bất công, đạo Phật luôn khuyến khích chúng sinh tự mình chứng ngộ chân lý, tự mình thể nghiệm Niết bàn, tự mình có được giải thoát giác ngộ mà đạo Phật chỉ là con đường, là phương tiện, là cỗ xe để giúp chúng sinh đạt đến những cứu cánh tối thượng này. Vũ trụ là thế giới sinh diệt, bản tâm mới chính là thế giới bất tử. Đó là tại sao Đức Phật lặng thinh khi Tỳ kheo Man Đổng Tử hỏi Ngài về thế giới siêu hình. Không phải là Ngài không biết, không thể trả lời, nhưng đó không phải là cứu cánh để có giải thoát giác ngộ mà chỉ làm tăng trưởng phiền não vô minh. Giả sử Đức Phật giải thích thế giới vũ trụ bắt đầu và thành hình như thế đó thì làm sao kiểm chứng được? Do vậy lời giải thích đó là chân thật hay chỉ là ảo thuyết? Nếu nói mà không thể chứng minh thì nói gì chả được, nhưng một người giác ngộ thì tuyệt đối không không bao giờ nói sai chân lý. Thí dụ cả mấy ngàn năm nay con người lầm lẫn cho rằng có chú cuội chị Hằng sống hạnh phúc sung sướng trên mặt trăng cho đến khi phi hành gia Armstrong đặt chân lên mặt trăng mà có thấy chú cuội chị Hằng đâu. Do đó thay vì trả lời những câu hỏi siêu hình của tôn giả Man Đổng Tử, Đức Phật kể cho ông ta nghe câu chuyện một người bị mũi tên độc. Đối với Phật giáo khi thấy một người bị nhiễm tên độc thì vấn đề cấp thiết là giải phẫu để giải độc ngay mà cứu sống họ. Còn vấn đề tìm cho ra ngọn ngành mũi tên và người bắn mũi tên thì không quan trọng. Bởi vì nếu không lo cứu chữa, thì người trúng tên độc sẽ chết trước khi biết được tông tích của hung thủ. Do đó vấn đề cấp thiết của con người và cũng là trọng tâm của đạo Phật là nhổ mũi tên “khổ đau” chứ không phải đi tìm những câu trả lời cho các vấn đề siêu hình không thiết thực.

Vào thời Đức Phật còn tại thế có một ẩn sĩ Bà-la-môn khi gặp ngài Xá Lợi Phất liền hỏi :

- Niết bàn, Niết bàn, này ông bạn Xá Lợi Phất xin cho biết đó là cái gì vậy?

Tôn giả Xá Lợi Phất bèn trả lời :

- Sự tiêu diệt lòng tham muốn, sự tiêu diệt lòng nóng giận hận thù, sự tiêu diệt lòng si mê sai lạc là cái mà con người gọi là Niết bàn.

Khi nói về Niết bàn, chính Đức Phật cũng dạy thêm rằng :

- Nếu chúng sinh nào đã từ bỏ thú vui và tham muốn, đã đầy đủ trí tuệ thì họ đã đạt đến sự giải thoát sinh tử, sự tịch tĩnh, đã đạt đến Niết bàn tức là nơi an dưỡng thường tồn, vĩnh cửu ngay ở trong cõi đời này.

Như vậy, Niết bàn không phải là một cõi, một cảnh, một tâm trạng và dĩ nhiên Niết bàn cũng không phải là cái hư vô. Rõ ràng Niết bàn không thể dùng văn tự ngôn ngữ của con người để diễn tả, vậy Niết bàn thật sự có hay không có?

Trong kinh Na Tiên Tỳ Kheo, Ngài Na Tiên đã trả lời câu hỏi tương tự như thế của vua Milinda rằng :

- Tâu Hoàng thượng, thật sự có Niết bàn và Niết bàn chỉ có thể lấy trí mà nhận biết. Nếu chúng sinh giữ được tâm thanh tịnh và chánh trực, thoát khỏi các nghiệp chướng và thoát khỏi được các tham muốn thấp hèn thì chính họ sẽ thấy được Niết bàn.

Nhà vua xin cho một thí dụ.

Ngài Na Tiên lại tiếp :

- Hoàng thượng biết một cái gọi là gió, nhưng Hoàng thượng có biết gió màu sắc gì, hình dáng ra sao, nó dày hay mỏng, dài hay ngắn?

Nhà vua đáp :

- Gió thì vô hình vô sắc làm sao chỉ được. Tuy không chỉ được, nhưng nó vẫn có.

Bây giờ Tỳ Kheo Na Tiên mới kết luận :

- Cũng thế, tâu Hoàng thượng, Niết bàn là cái thật sự có mà không thể dùng văn tự ngôn ngữ để diễn tả cho con người thấy được hình sắc của nó.

Thế thì làm sao biết được Niết bàn, nhà vua lại hỏi.

- Nhờ sự thoát khỏi phiền não, nghiệp chướng, nhờ sự an ổn, an lạc thanh tịnh thì có được Niết bàn.

Rồi ngài Na Tiên lại tiếp :

- Như người té vào đồng lửa ngùn ngụt, nếu họ cố gắng vượt ra khỏi và lên được chỗ mát thì người ấy sẽ cảm thấy sung sướng vô cùng. Cũng thế, người thoát khỏi lửa của tham, sân, si sẽ hưởng cái sung sướng an tịch của Niết bàn. Cũng như người thoát ra khỏi những tâm niệm bất thiện, người ấy sẽ hưởng cái sung sướng Niết bàn. Và sau cùng những ai thoát khỏi cái lo sợ của sanh, lão, bệnh, tử người ấy sẽ hưởng cái sung sướng Niết bàn.

Do đó đối với nhân sinh vũ trụ, Đức Phật dạy rằng tất cả hiện tượng đều là : ”Đương xú xuất sanh, đương xú diệt tận” nghĩa là sanh ra ngay từ nơi này và diệt mất cũng ngay nơi này. Vì thế, đối với Phật giáo, tâm thanh tịnh mới là cứu cánh vì khi có được tâm thanh tịnh, chúng sinh sẽ nghiệm chứng chân tướng của vạn pháp. Mà chân tướng là vô hình vô sắc thì làm sao mà giải thích được. Vì thế Vĩnh Gia đại sư trong Chứng Đạo Ca có câu :

Mộng lý minh minh hữu lạc thú

Giác hậu không không vô đại thiên

Tạm dịch :

Trong mộng, sáu đường vàng vặc có

Giác rồi, tam giới rộng toang hoang.

Ngày xưa, trước khi quy y theo Phật, Mã Minh là một luận sư danh tiếng. Vì nghe tiếng của Hiếp Tôn giả nên tìm đến thách thức luận chiến và đánh cuộc bằng chính thủ cấp của mình. Mã Minh đưa ra đề tài tranh luận rằng:”Tất cả ngôn ngữ đều có thể bị phủ định” nghĩa là cái gì nói ra được thì có chỗ sai lầm. Nghe xong Hiếp Tôn giả im lặng. Mã Minh thấy Hiếp Tôn giả không trả lời được cho rằng mình thắng nên sinh tâm kiêu mạn mà cho rằng Hiếp Tôn giả chỉ là hư danh, không phá nổi luận điểm của mình. Một thời gian sau, Mã Minh nghiệm biết sự sai lầm của mình vì câu nói của Mã Minh tự nó đã bị phủ định rồi. Y như giao ước, Mã Minh tìm đến để giao thủ cấp cho Hiếp Tôn giả. Nhưng Hiếp Tôn giả bây giờ mới nói : ”Tôi không cần cắt thủ cấp của ông, mà chỉ cần cắt tóc của ông thôi”. Từ đó, Mã Minh tôn Hiếp Tôn giả làm thầy và về sau trở thành vị đại luận sư rất nổi tiếng của Đại thừa. Một lần nữa, vẫn tự ngôn ngữ không phải là chân lý vì chúng là tương đối, sinh diệt.

Thiên Chúa giáo, Hồi giáo hay Tin lành chỉ tin có một Thượng đế duy nhất thì gọi là nhất thần giáo. Trong khi đó, đạo Khổng hay đạo Lão tin vào nhiều đấng thần linh nên những đạo này được gọi là đa thần giáo.

Ngược lại, đạo Phật không phải là nhất thần giáo, cũng chẳng là đa thần giáo mà cũng không phải là giáo điều chủ nghĩa tức là vị giáo chủ đưa ra bất cứ giáo điều gì cho dù đúng hay sai thì tín đồ bắt buộc răm rắp tuân theo. Chính Đức Phật đã khẳng định rằng :

“Ta không là Thượng đế, cũng không phải là thần linh, mà chỉ là một con người, nhưng con người đã chiến thắng thế gian”.

Đức Phật đã chiến thắng thế gian, nhưng Ngài không cần ngai vàng để ngự trị và cũng không cần thần dân để được tôn vinh. Ngài sống rất thanh thoi với ba mảnh y và một bình bát, nhưng chiến thắng được tâm mình để sống với chơn tánh mới là cái chiến thắng vĩ đại của bậc Đại giác, Đại hùng vậy. Chỉ sau khi Ngài nhập diệt, con người mới tôn thờ Ngài, sùng tín Ngài như các vị thần linh. Tóm lại, Đức Phật chỉ là một đạo sư, là ngọn đuốc tuệ để giúp chúng sinh nương theo đó mà tìm ra con đường sáng, con đường giải thoát giác ngộ cho chính mình.

Để giải thích mối quan hệ giữa lòng tin và trí tuệ, Đức Phật dạy rằng :

“Người có lòng tin mà không có trí tuệ thì thường làm tăng trưởng vô minh. Người có trí tuệ mà không có lòng tin thì thường làm tăng trưởng tà kiến”.

Trí tuệ ở đây cần được hiểu là năng lực suy xét và phán đoán mọi sự việc cho nên nếu trí tuệ không có lòng tin vào Chánh pháp thì người tu tập dễ rơi vào tà kiến, tăng trưởng tự cao, tự đại, luôn cố chấp không thấy được chỗ sai lầm của mình. Ngược lại, người có lòng tin vào Chánh pháp mà thiếu đi trí tuệ để nhận hiểu và phân biệt đúng đắn thì dễ dàng lún sâu vào chỗ si mê, tăm tối, mê tín dị đoan. Vì thế mà trong Bát Chánh Đạo tức là tám con đường chân chính giúp chúng sinh chuyển cuộc sống từ phàm đến thánh chỉ có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định mà không hề có chánh tín. Đức Phật không phải là đấng thần linh nên Ngài không bắt buộc chúng sinh phải tin vào Ngài một cách tuyệt đối. Ngược lại, Đức Phật dạy chúng sinh phải tư duy quán chiếu, suy nghiệm những lời Phật dạy một cách khách quan, đúng đắn thì mới có lợi ích cho mình. Đức Phật muốn chúng sinh thấu hiểu chánh pháp để thấy biết đúng, suy nghĩ đúng mà có cuộc sống thanh bình an lạc thì lúc đó con người đâu còn tin vào tà kiến, mê tín dị đoan. Vì thế hãy lắng nghe thông điệp của Đức Phật chính là con đường sống cao thượng của cuộc đời :

“Hãy tránh xa tất cả những hành động tội lỗi, trau dồi cuộc sống bằng những hành động tốt, thanh lọc tâm trí khỏi những ý nghĩ bất tịnh”.

Trước khi nhập diệt, Đức Phật dạy rằng:

“Các con là những hải đảo, những ngọn đuốc cho chính mình. Hãy nương tựa vào chính mình, không nương tựa vào nơi nào khác”.

Trong kinh Pháp Cú, Phật lại dạy thêm :

“Các con hãy tự thắp đuốc lên mà đi! Các con hãy lấy Pháp của ta làm đuốc! Hãy theo Pháp của ta mà tu giải thoát! Đừng tìm sự giải thoát ở một kẻ nào khác, đừng tìm sự giải thoát ở một nơi nào khác, ngoài các con”.

Và sau cùng Đức Phật dạy rằng :

“Các con hãy tự cố gắng, Như Lai chỉ là kẻ dẫn đường”.

Đạo Phật là tôn giáo duy nhất trên hoàn cầu xác định rằng cánh cửa thành công để đạt đến cứu cánh giải thoát giác ngộ phải mở rộng cho tất cả mọi người, từ nam nữ, lớn nhỏ, sang hèn, cao thấp, đạo đức hay tội lỗi. Nếu chúng sinh biết cải thiện đời sống trong sạch, hóa giải hết phiền não vô minh thì sẽ có được Bồ-đề, Niết bàn như Phật.

Từ xưa đến nay, lý trí và đức tin luôn chống đối với nhau. Lý trí thì dùng lý luận và suy tư phát xuất từ kinh nghiệm và nhận xét, trong khi đức tin nằm trong phạm vi tình cảm, không thể suy luận, suy xét hay giảng giải được. Do đó những tôn giáo thần khải thì đức tin là thượng đế cảm nhận bằng trái tim, không phải bằng lý trí. Tình thương phát xuất bằng trái tim thì dựa vào tình cảm nên rất thăng trầm vì thế nó có lúc đúng, có lúc sai, có lúc thương có lúc ghét. Ngược lại lòng từ bi phát xuất từ trí tuệ sáng suốt thì dựa theo tinh thần khách quan bình đẳng, không thiên vị. Thêm nữa, đối với những tôn giáo thần khải thì thần thông, phép lạ là quan trọng. Ngược lại Đức Phật coi đó là không đáng kể và không thích đáng bởi vì điều quan trọng nhất vẫn là bồi dưỡng trí tuệ để có giải thoát giác ngộ. Đối với đạo Phật, những người có phép lạ không nhất thiết là bậc giác ngộ hay các bậc Thánh cho nên theo Đức Phật, thần thông phép lạ cao siêu nhất và huyền diệu nhất phải là làm sao biến một người ngu si thành một người khôn ngoan, trí tuệ.

Vậy đạo Phật có phải là một tôn giáo không?

Dựa theo lời giải thích của học giả H. G Wells thì tôn giáo là trung tâm của giáo dục xác định luân lý phẩm hạnh của con người.

Triết gia Aldous Huxley định nghĩa tôn giáo như sau :

- Tôn giáo là một hệ thống giáo dục, bằng các phương tiện con người có thể tự mình huấn luyện cho mình. Trước hết là thay đổi cái mình mong muốn cho đúng với nhân cách của mình trong xã hội. Thứ hai là nâng cao lương tri và thiết lập quan hệ giữa con người và vũ trụ mà họ là một thành phần trong đó.

Thông thường tôn giáo luôn đi đôi với tín ngưỡng vì thế tất cả những tôn giáo trên thế giới đều tin tưởng đáng thần linh này, đáng cứu rỗi nọ, ông trời mình và ông trời người. Duy chỉ có Phật giáo là không tin vào thần linh, không tin vào thượng đế, không tin vào ai cả mà chỉ tin vào khả năng tự mình có thể giải thoát ra khỏi mọi hệ lụy của phiền não vô minh cho chính mình mà Đức Phật là người dẫn đường, là bậc toàn giác.

Đạo Phật khai mở một hệ tư tưởng triết học rất thâm sâu huyền diệu dựa vào tư tưởng tánh Không (Bát nhã) để dẫn dắt chúng sinh quán triệt thật tướng của vạn pháp chớ không nhất thiết chỉ thấy biết vạn pháp qua thế giới hiện tượng. Những lời dạy thâm sâu của Đức Phật để đưa tâm quy về một trạng thái tinh thần tĩnh lặng và sáng suốt được nhiều người cho đó là tôn giáo, người khác lại cho là triết học hay tâm lý trị liệu. Vì vậy, khi đề cập đến thế giới bản thể và hiện tượng là một vấn đề rất quan trọng, một vấn đề mang

tính triết học sâu xa, nếu con người nhìn nó qua lăng kính của triết học. Nhưng đối với Phật giáo, cho dù con người có gọi nó là tôn giáo, nền giáo dục, môn triết học hay là gì đi chăng nữa thì điều đó chẳng có giá trị thêm bớt gì vì lý luận là còn nằm trong vòng lẩn quẩn của Nhị nguyên, của thế giới tương đối có sinh có diệt. Mà điều quan trọng hơn hết là những lời thuyết pháp của Đức Phật nhằm nói lên chân lý khách quan, nói lên cái nguyên thủy của sự hình thành và sự tồn tại khách quan của vũ trụ vạn hữu. Nhưng cho dù con người có lý luận dựa theo bất cứ khía cạnh, phương diện nào thì có một điều chắc chắn mà mọi người đều đồng ý rằng Đức Phật không phải là đáng thần linh, đáng cứu rỗi mà Ngài chỉ là đáng toàn giác, là bậc thầy vĩ đại mà thôi.

Vì vậy, đạo Phật có thể được gọi là một tôn giáo không có tín ngưỡng. Tại sao lại không có tín ngưỡng? Bởi vì đạo Phật là con đường giúp chúng sinh tự mình thể nghiệm chân lý để có giải thoát giác ngộ mà không tin có một đấng Thượng đế, một đấng thần linh nào đó có thể ban vui cứu khổ hay cứu rỗi cho họ được. Mà muốn đạt đến cứu cánh tột đỉnh này, người đệ tử Phật bắt buộc phải có niềm tin. Nhưng niềm tin ở đây là tin vào lời dạy chân thật của Đức Phật là người đã thực chứng những chân lý nhiệm mầu bởi vì lời dạy của Phật là : "Như Lai thị chơn ngữ giả, thật ngữ giả, bất dị ngữ giả, bất cuồng ngữ giả" nghĩa là lời nói của Phật là chân chính, là thành thật, không trá trở và không bao giờ dối trá. Quan trọng hơn là người đệ tử Phật phải tin chính mình có khả năng hóa giải, diệt trừ mọi vô minh phiền não để đạt được tâm thanh tịnh mà có Niết bàn, có Bồ-đề cũng như chư Phật, chư Bồ-tát vậy. Đức Phật dạy chúng sinh phát triển những tiềm năng và nỗ lực của chính bản thân mình để đạt đến trạng thái an lạc và hạnh phúc tuyệt đối Niết bàn. Do đó hạnh phúc hay khổ đau là do nơi con người chứ không tùy thuộc vào một đấng quyền năng tuyệt đối nào và Đức Phật chỉ là một bậc thầy hướng đạo.

Do đó nếu nói Thượng đế là đáng toàn năng toàn thiện thì tại sao Ngài lại sáng tạo cái thế giới con người đầy dẫy tội lỗi đau thương? Tại sao Ngài tạo ra biết bao nhiêu cảnh tai trời ách nước, tàn phá, giết hại chúng sinh? Như thế thì lòng bác ái của Ngài ở đâu? Vậy sự cầu nguyện có làm bớt thiên tai, dịch họa, chiến tranh hay khổ đau của con người được không? Vì thế Phật giáo phủ nhận sự hiện hữu thần linh trong cuộc sống của con người. Theo tinh thần Phật giáo thì chính con người phải tự mình giải quyết những vấn đề như chiến tranh hay hòa bình, hạnh phúc hay khổ đau của chính mình. Chiến tranh hay hòa bình là do con người quyết định chứ không dính dáng gì tới Phật trời cả. Nếu con người biết sống khoan dung độ lượng để biết thương yêu nhau thì họ biến chiến tranh thành hòa bình, ngược lại nếu các nhà lãnh đạo chạy theo những tham vọng đen tối thì từ hòa bình thành chiến tranh giết chóc thế thôi. Thêm nữa, do sự chuyển động của trái đất, của núi lửa, của những cơn gió lốc...theo định luật vô thường : thành, trụ, hoại, không đã tác hại con người. Nói chung thì đó cũng là do lòng tham của con người phá hủy môi trường sống của chính mình qua chiến tranh, qua những cuộc thí nghiệm nguyên tử, qua tàn phá thiên nhiên, đốt rừng tiêu hủy cây cối...tạo nên những ảnh hưởng dây chuyền nguy hiểm cho nhân sinh. Con người cũng vì muốn thỏa mãn lòng tham mà đi ngược lại với thiên nhiên nên hàng ngày lấy lên từ lòng đất, từ lòng biển hàng triệu thứ từ kim cương đến vàng, bạc, nhôm, sắt, khí đốt, dầu hỏa rồi lại thải ra hàng triệu tấn chất độc tác hại gây ra lâm than qua thiên tai, động đất, sóng thần, bão lụt, hạn hán... Vì thế con người không thể tin rằng có một Thần linh nào đó có thể nhân tâm trừng phạt, hủy diệt loài người và gây đau thương chết chóc tang tóc khắp mọi nơi. Khi liễu ngộ như thế con người không phải

sợ hãi thần linh, tôn thờ thần linh, van vái và cầu xin ở thần linh nữa.

Tóm lại, đạo Phật không phải là đạo đổi chác, không phải là đạo ban bố phép mầu và cũng không phải là đạo hứa hẹn. Sự giải thoát giác ngộ hay sự an lạc thanh tịnh Niết bàn thật ra tự chúng sinh đem lại cho mình chứ Phật không ban bố cho ai cả. Vì thế, tuy đạo Phật là đạo của từ bi, trí tuệ và lòng dũng cảm, nhưng nếu con người không tin vào lòng từ bi để thương yêu, ban vui cứu khổ để cứu giúp chúng sinh; vào khả năng phát triển trí tuệ để chúng đạt chân lý ngộ hầu thấu biết được thật tướng nhân sinh vũ trụ và lòng dũng cảm để vượt qua sóng gió chập chùng mà chiến thắng được vô minh phiền não của mình mà chỉ muốn cầu xin, van vái thần linh để có hạnh phúc thì con đường họ đi chắc chắn “không phải” là đạo Phật.